

Phụ lục 2
BẢNG TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ, CHẤM ĐIỂM NHIỆM VỤ CHUNG
ĐỐI VỚI CHỦ TỊCH UBND CÁC HUYỆN, THÀNH PHỐ
(Ban hành kèm theo Quyết định số /2020/QĐ-UBND
ngày tháng 11 năm 2020 của UBND tỉnh Bắc Giang)

TT	Tiêu chí đánh giá	Điểm chuẩn
1.	Tổ chức, điều hành cơ quan theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn	150
1.1.	<i>Thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế, xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh (theo chỉ tiêu Kế hoạch hằng năm của UBND tỉnh)</i>	90
a)	Kết quả thực hiện các chỉ tiêu phát triển kinh tế	30
-	Hoàn thành 100% chỉ tiêu	30
-	Hoàn thành từ 90% đến dưới 100% chỉ tiêu	25
-	Hoàn thành từ 70% đến dưới 90% chỉ tiêu	20
-	Hoàn thành dưới 70% chỉ tiêu	15
b)	Kết quả thực hiện các chỉ tiêu về văn hóa, xã hội	30
-	Hoàn thành 100% chỉ tiêu	30
-	Hoàn thành từ 90% đến dưới 100% chỉ tiêu	25
-	Hoàn thành từ 70% đến dưới 90% chỉ tiêu	20
-	Hoàn thành dưới 70% chỉ tiêu	15
c)	Kết quả thực hiện các chỉ tiêu về quốc phòng, an ninh	30
-	Hoàn thành 100% chỉ tiêu	30
-	Hoàn thành từ 90% đến dưới 100% chỉ tiêu	25
-	Hoàn thành từ 70% đến dưới 90% chỉ tiêu	20
-	Hoàn thành dưới 70% chỉ tiêu	15
1.2.	<i>Thực hiện nhiệm vụ được UBND tỉnh giao trong chương trình, kế hoạch công tác năm của UBND tỉnh (không tính nhiệm vụ giao riêng cho người đứng đầu)</i>	40
-	<i>100% nhiệm vụ được hoàn thành đảm bảo chất lượng, đúng thời hạn được tính điểm tối đa;</i>	40
-	<i>Mỗi nhiệm vụ hoàn thành không đảm bảo chất lượng hoặc không đúng thời hạn trừ 10 điểm; trừ tối đa bằng điểm chuẩn.</i>	40
1.3.	<i>Công tác thông tin, báo cáo theo yêu cầu của UBND tỉnh</i>	20
-	<i>100% các nội dung báo cáo đảm bảo chất lượng, đúng thời hạn được tính điểm tối đa;</i>	20
-	<i>Mỗi nội dung báo cáo chưa đảm bảo chất lượng, phải làm lại, bổ sung hoặc chậm muộn trừ 5 điểm, trừ tối đa bằng điểm chuẩn.</i>	20

2.	Công tác quản lý, sử dụng biên chế, cán bộ, công chức, viên chức thuộc thẩm quyền quản lý	80
a)	Quản lý, sử dụng biên chế, số lượng người làm việc	
	- Hằng năm rà soát, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt hoặc phê duyệt đề án vị trí việc làm, biên chế và số lượng người làm việc đảm bảo theo quy định; Quyết định phân bổ chỉ tiêu biên chế hành chính, số lượng người làm việc trong các phòng, ban, đơn vị trực thuộc đảm bảo theo quy định của UBND tỉnh; - Mỗi nội dung thực hiện không đảm bảo quy định trừ 5 điểm, trừ tối đa bằng điểm chuẩn.	10
b)	Quản lý, sử dụng cán bộ, công chức, viên chức	
	- Sắp xếp, bố trí cán bộ, công chức, viên chức theo đề án vị trí việc làm và đảm bảo số lượng công chức, viên chức không vượt chỉ tiêu biên chế được giao thì được tính điểm tối đa; - Sắp xếp, bố trí cán bộ, công chức, viên chức không đúng đề án vị trí việc làm, trừ 5 điểm; thực hiện vượt mỗi chỉ tiêu biên chế trừ 5 điểm; trừ tối đa bằng điểm chuẩn.	20
c)	Công tác quy hoạch, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại các chức danh thuộc thẩm quyền quản lý	
	- Hằng năm thực hiện quy hoạch, rà soát, bổ sung quy hoạch đảm bảo quy định; Thực hiện bổ nhiệm, bổ nhiệm lại cán bộ lãnh đạo, quản lý thuộc thẩm quyền đúng quy trình, tiêu chuẩn, điều kiện và thời gian theo quy định; Thực hiện đảm bảo số lượng cấp phó các phòng, ban, đơn vị thuộc quyền quản lý không vượt quy định thì được tính điểm tối đa; - Mỗi trường hợp thực hiện không đảm bảo đúng quy định trừ 5 điểm, trừ tối đa bằng điểm chuẩn.	20
d)	Công tác luân chuyển, chuyển đổi vị trí công tác	10
-	Ban hành kế hoạch và thực hiện đạt 100% kế hoạch	10
-	Ban hành kế hoạch và thực hiện đạt từ 50% đến dưới 100% kế hoạch	5
-	Không ban hành kế hoạch hoặc ban hành kế hoạch thực hiện đạt dưới 50%	0
đ)	Việc chấp hành quy định về kỷ luật, kỷ cương hành chính và quy chế văn hóa công sở	20
-	100% cán bộ, công chức, viên chức thuộc quyền quản lý không vi phạm	20
-	Để xảy ra tình trạng cán bộ, công chức, viên chức, người làm việc thuộc quyền quản lý vi phạm quy định, quy chế bị cấp có thẩm quyền phê bình, nhắc nhở	10

3.	Công tác quản lý, sử dụng tài chính, tài sản công	40
a)	Việc ban hành Quy chế quản lý sử dụng tài sản công	10
-	Rà soát, sửa đổi, bổ sung Quy chế chi tiêu nội bộ, Quy chế quản lý sử dụng tài sản công đảm bảo theo quy định	10
-	Không rà soát, sửa đổi, bổ sung kịp thời	0
b)	Quản lý, sử dụng tài chính, tài sản công	30
-	Quản lý, sử dụng các nguồn tài chính, các tài sản, trang thiết bị đảm bảo đúng chế độ, chính sách và đúng quy định của pháp luật	30
-	Chưa thực hiện nghiêm quy định về quản lý, sử dụng các nguồn tài chính, các tài sản bị cơ quan có thẩm quyền thanh tra, kiểm tra phê bình, nhắc nhở	10
4.	Công tác tiếp dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo	40
a)	Được đánh giá mức “Hoàn thành xuất sắc”	40
b)	Được đánh giá mức “Hoàn thành tốt”	30
c)	Được đánh giá mức “Hoàn thành”	20
5.	Công tác cải cách hành chính	40
a)	Tỷ lệ phần trăm thủ tục hành chính (TTHC) cung cấp trực tuyến mức độ 3, 4 có phát sinh hồ sơ trực tuyến trong năm so với tổng số TTHC cung cấp trực tuyến mức độ 3, 4	10
-	Đạt tỷ lệ phần trăm theo quy định của UBND tỉnh	10
-	Đạt từ 80% đến dưới 100% so với tỷ lệ theo quy định	8
-	Đạt từ 50% đến dưới 80% so với tỷ lệ theo quy định	5
-	Đạt dưới 50% so với tỷ lệ theo quy định	0
b)	Tỷ lệ hồ sơ TTHC được xử lý trực tuyến mức độ 3,4 (chỉ tính đối với các TTHC cung cấp dịch vụ công mức độ 3,4 có phát sinh hồ sơ trực tuyến)	10
-	Đạt tỷ lệ % theo quy định của UBND tỉnh	10
-	Đạt từ 80% đến dưới 100% so với tỷ lệ theo quy định	8
-	Đạt từ 50% đến dưới 80% so với tỷ lệ theo quy định	5
-	Đạt dưới 50% so với tỷ lệ theo quy định	0
c)	Kết quả giải quyết hồ sơ TTHC	20
-	Đạt 100% số hồ sơ TTHC trong năm được giải quyết đúng hạn	20
-	Đạt từ 80% đến dưới 100% số hồ sơ TTHC giải quyết đúng hạn	10
-	Đạt từ 50% đến dưới 80% số hồ sơ TTHC giải quyết đúng hạn	5
-	Đạt dưới 50% số hồ sơ TTHC giải quyết đúng hạn	0